

# CÁC NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ CỦA MÔ HÌNH TỪ ĐIỂN ĐỊA DANH VIỆT NAM

PGS. TS. TẠ VĂN THÔNG<sup>1</sup>, ThS TRỊNH ANH CO<sup>2</sup>

ThS ĐỖ THỊ THU THỦY<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

<sup>2</sup>Hội Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám Việt Nam

<sup>3</sup>Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam

## Tóm tắt

Địa danh là một vấn đề gắn với cuộc sống hàng ngày của mỗi người. Hơn thế nữa, địa danh còn là yếu tố có liên quan tới lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của mỗi địa phương, mỗi dân tộc. Trên tầm quốc gia, trong nhiều trường hợp địa danh còn mang cả ý nghĩa chính trị, nhất là tại các vùng có tranh chấp chủ quyền.

Tập thể tác giả của bài báo này muốn giới thiệu nhiệm vụ xây dựng Từ điển địa danh cho Việt Nam. Đây là nhiệm vụ nặng nề, quan trọng vì tính phức tạp của địa danh và cũng phải gắn với những nghiên cứu khoa học có chiều sâu về địa lý, xã hội và nhân văn.

Các tác giả đưa ra 3 quan điểm bao gồm: (1) đúng chủ trương chính trị của Đảng và Nhà nước; (2) phù hợp với các nguyên tắc xây dựng từ điển bách khoa; (3) tiếp cận địa danh bằng tư tưởng biện chứng và lịch sử. Tiếp theo, các tác giả đề xuất thể lệ gồm 5 điểm: (1) yêu cầu chung trong hình thành các mục từ; (2) phân loại mục từ theo chuẩn quốc tế; (3) bảo đảm cấu trúc vĩ mô mang tính cân đối giữa các địa phương; (4) lựa chọn địa danh tiêu biểu vào mục từ; (5) bảo đảm cấu trúc vi mô nhằm giới thiệu đủ thông tin đối với từng địa danh.

## I. Đặt vấn đề

Hiện nay, Việt Nam có một số sách lí luận về địa danh học (Nguyễn Văn Âu, Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam, Nhà xuất bản (NXB) Đại học quốc gia Hà Nội, 2000; Lê Trung Hoa, Địa danh học Việt Nam, NXB Khoa học xã hội 2006, tái bản 2010, 2011...), vài cuốn từ điển địa danh về các tỉnh, thành trong cả nước (Bùi Thiết, Từ điển Hà Nội: Địa danh, NXB Văn hóa - Thông tin, 1993; Ngô Đăng Lợi (chủ biên), Từ điển bách khoa địa danh Hải Phòng, NXB Hải Phòng, 1998; Trần Thanh Tâm, Huỳnh Đình Kết, Địa danh thành phố Huế, NXB Văn hóa dân tộc, 2001; Lê Trung Hoa (chủ biên), Nguyễn Đình Tư, Từ điển địa danh thành phố Sài Gòn - Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, 2003, NXB Thời đại tái bản 2011), v.v. Ngoài ra, các địa danh còn được gặp trong các cuốn từ điển địa danh lịch sử, văn hóa, du lịch; từ điển địa danh hành chính; từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh; các sách được gọi là “dư địa chí”, “bách khoa thư” của các địa phương hoặc riêng của các ngành khác nhau. Tuy nhiên, các từ điển địa danh hiện nay còn tồn tại một

số vấn đề như việc xây dựng các từ điển địa danh chưa tính đến các dữ liệu địa lí; chưa thể hiện được lịch sử địa danh; chưa tham khảo đến danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, các yếu tố kinh tế - xã hội thể hiện trên các bản đồ địa hình tỉ lệ 1/25.000, 1/50.000 đã ban hành.

Trong khuôn khổ Đề tài nguyên cứu khoa học do các chuyên gia bản đồ và ngôn ngữ thực hiện năm 2016, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số luận điểm liên quan đến vấn đề xây dựng Từ điển địa danh Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu về ngôn ngữ và các yêu cầu của Nhóm chuyên gia địa danh Liên hợp quốc khu vực Đông Nam Á (UNGEGN ASE).

Bài báo này trình bày một số vấn đề liên quan đến việc xây dựng Từ điển địa danh Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu về địa danh, ngôn ngữ đồng thời phù hợp với xu hướng của thế giới trong lĩnh vực địa danh.

## II. Những điểm cần quan tâm khi xây dựng từ điển địa danh

### II.1. Xác định nhiệm vụ, dung lượng

Xác định tương đối đầy đủ số lượng địa danh tiêu biểu của một đơn vị hành chính tùy theo phạm vi cụ thể (tỉnh, vùng miền, quốc gia). Dung lượng địa danh vừa đủ để những mục từ phản ánh rõ đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa đơn vị hành chính đó.

### II.2. Tiêu chuẩn chọn mục từ

Chia địa danh thành 8 loại chính như sau: thủy văn (tên sông, suối...), địa hình (tên núi, đồi...), hành chính dân cư (tên xã, phường, quận, huyện,...), giao thông (tên cầu, đường...), sử dụng đất (tên rừng, khu bảo tồn, vườn quốc gia...), công trình nhân tạo (tên cầu, cống, trường học, bệnh viện...) và di sản văn hoá (nhà thờ, đài tưởng niệm...). Ưu tiên chọn địa danh chỉ loại hình mang tính địa phương, các địa danh có giá trị về lịch sử, địa chính trị, những địa danh đã được xếp hạng di tích.

### II.3. Cấu trúc mục từ

Cũng như trong các từ điển địa danh khác, mỗi mục từ ở đây gồm 7 nội dung như sau:

#### ◆ Tên mục từ:

Không đưa danh từ chung vào mục từ. Ví dụ: đối với rạch Cát, cầu Bông (tp. Hồ Chí Minh), chúng ta không đưa các từ rạch, cầu vào tên mục từ mà chỉ nêu các yếu tố riêng vào đây: Cát, Bông. Ở đây có ba vấn đề cần giải quyết riêng như sau:

Thứ nhất, chỉ khi nào danh từ chung đó trở thành một thành tố của địa danh theo phương thức chuyển hoá (tên rạch biến thành tên đường, tên cầu biến thành tên rạch, chợ, phường...) thì chúng ta mới đưa vào. Ví dụ: đường Rạch Cát, rạch Cầu Bông thì tên mục từ sẽ là Rạch Cát, Cầu Bông.

Thứ hai, đối với các địa danh bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số, danh từ chung thường không được rõ nghĩa và thường được dùng gắn chặt với danh từ riêng, vì thế chúng ta nên đưa các danh từ chung này vào tên mục từ; thí dụ suối Huổi Ít (ở đây Huổi đã biến từ danh từ chung thành danh từ riêng).

Thứ ba, đối với các địa danh là tên người và số ta cần phải đưa danh từ chung để đảm bảo địa danh có nghĩa và dễ tra cứu. Ví dụ quốc lộ 1, thôn 1...

#### ◆ Loại địa danh:

Danh từ chung chỉ loại địa danh là các từ: sông, rạch, núi, hồ... (địa danh chỉ địa hình, thủy văn); ấp, xã, huyện, tỉnh... (địa danh hành chính); cầu, đường... (địa danh giao thông); công viên, sân vận động... (địa danh chỉ công trình xây dựng).

Giữa tên mục từ và loại địa danh, tuyệt đối không được có sự trùng lặp.

#### ◆ Vị trí của đối tượng:

Ta phải nói rõ đối tượng của địa danh nằm trên địa bàn của đơn vị hành chính nào, tiếp giáp với những đối tượng nào khác. Nếu đối tượng là sông rạch, thì ta phải nói rõ sông rạch đó chảy từ đâu đến đâu và có thể đưa toạ độ địa lý của đối tượng.

#### ◆ Các chi tiết liên hệ đến đối tượng:

Các chi tiết liên hệ đến đối tượng rất đa dạng. Nếu đó là núi đồi, ta phải nói đến độ cao. Nếu đó là công viên, quảng trường, ta phải nói đến diện tích. Đối với cầu cống, phải nói rõ chiều dài, chiều rộng (và có thể cả tải trọng). Đối với đường phố, cần nói rõ chiều dài và lộ giới. Nếu đó là sông rạch, nên nói rõ về độ dài, chiều rộng, độ sâu. Đối với các đơn vị hành chính thì phải nói đến diện tích, dân số, số lượng và tên các đơn vị hành chính trực thuộc đơn vị đang đề cập, hoặc đơn vị hành chính cấp trên, v.v.

#### ◆ Thời điểm ra đời của địa danh:

Nếu biết chắc chắn, chúng ta phải đưa thông tin này vào. Chẳng hạn, phủ Gia Định được lập năm 1698; cầu Chữ Y (ở tp.HCM) được xây dựng trong các năm từ 1938 tới 1941; tp. Hồ Chí Minh được chính thức gọi vào ngày 2-7-1976. Nếu ta không biết chính xác ngày, tháng, năm nào, thì chúng ta có thể nêu khoảng thời gian. Chẳng hạn, địa danh Thị Nghè (tp. HCM) ra đời trong khoảng thời gian 1725-1750. Nếu không biết rõ thời điểm thì có thể phỏng đoán nhưng phải có căn cứ.

#### ◆ Nguồn gốc và ý nghĩa ban đầu của địa danh:

Đây là vấn đề trọng tâm mà người làm từ điển phải lưu ý. Nội dung này rất thú vị đối với người đọc.

#### ◆ Sự chuyển biến của địa danh và đối tượng:

Nhiều địa danh, sau một thời gian sử dụng đã có những biến đổi về ngữ âm. Những nguyên nhân này có thể có nguồn gốc nội tại hay ngoại lai, có khoảng 10 nguyên nhân gây nên biến đổi địa danh: do hiện tượng đồng hóa (Pha Đin), do hiện tượng dị hóa, do kiêng huy, do hiện tượng nhập âm, do hiện tượng rút gọn, do hiện tượng biến âm (Các Bà → Cát Bà), do mượn âm (Baie Tulon → Bái Tử Long), do Việt hóa (Blaio → Bảo Lộc), do Tây hoá (Làng Cò → Lăng Cô), do in ấn (Trần Di → Trần Đề). Trong các trường hợp này, ta phải trình bày đầy đủ âm gốc và âm biến.

## III. Nguyên tắc, thể lệ biên soạn từ điển địa danh Việt Nam

### III.1. Nguyên tắc

◆ Từ điển địa danh Việt Nam được biên soạn theo quan điểm, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, luật pháp của quốc gia Việt Nam.

❖ Áp dụng những cách thức biên soạn từ điển và công trình bách khoa từ kinh nghiệm ở Việt Nam: thiết kế cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô, cách trình bày các loại thông tin...

❖ Theo quan điểm biện chứng và lịch sử (nhìn nhận sự vật, hiện tượng được phản ánh qua các địa danh một cách khách quan, hợp với quy luật luôn vận động và phát triển, có tính đến những hoàn cảnh lịch sử, xã hội cụ thể ở cộng đồng có chi phối hoặc ảnh hưởng đến nó).

### III.2. Thể lệ trong biên soạn các mục từ trong Từ điển địa danh Việt Nam

#### a) Yêu cầu chung

Cũng như trong bất kì công trình tra cứu mang tính bách khoa nào, mục từ trong Từ điển địa danh Việt Nam phải có những đặc tính như sau:

➢ Mỗi mục từ được xác định trên cơ sở sự phân loại trong bảng đầu mục từ chung gồm các chủ đề tri thức theo các tiêu chí phân loại.

➢ Mỗi mục từ được xem là một tiểu chủ đề tri thức độc lập (còn gọi là “đơn nguyên cơ bản” - yếu tố đơn giản nhất, trọn vẹn, trong một chỉnh thể chung).

➢ Các nội dung được đề cập đến trong các mục từ phải được đa số các thành viên trong cộng đồng thừa nhận hoặc đã được kiểm chứng.

➢ Các mục từ có nội dung và cách trình bày mang tính quy phạm và thống nhất (xét về tổng thể hoặc từng loại), tuân theo những thể lệ nhất định.

#### b) Phân loại mục từ trong Từ điển địa danh Việt Nam

Việc phân loại các mục từ đem lại một cái nhìn tổng quan và có hệ thống về tri thức được đề cập đến, giúp hình dung được cấu trúc vĩ mô của toàn từ điển và mối quan hệ giữa các mục từ trong từ điển. Kết quả của việc phân loại nói trên là bảng phân loại các mục

từ.

Theo bảng phân loại của UNGEGN ASE, địa danh được phân thành các loại sau: địa danh thủy văn (tên các đối tượng thủy văn: sông, suối, hồ, đầm lầy, thác, ghềnh...), địa danh địa hình (tên các đối tượng địa hình: đồi, núi, thung lũng, đảo, quần đảo...), địa danh hành chính (địa danh các đơn vị hành chính), địa danh khu dân cư (địa danh làng, xóm), địa danh giao thông (địa danh chỉ các đối tượng giao thông như: sân bay, ga tàu, tên đường, phố...); địa danh sử dụng đất (các địa danh liên quan đến việc sử dụng đất như: tên rừng, công viên, cánh đồng ...); địa danh công trình nhân tạo (tên các công trình do con người tạo ra như: trường học, ngân hàng, bệnh viện...); địa danh di sản văn hoá (địa danh các di sản văn hoá: nhà thờ, cung điện, bảo tàng...).

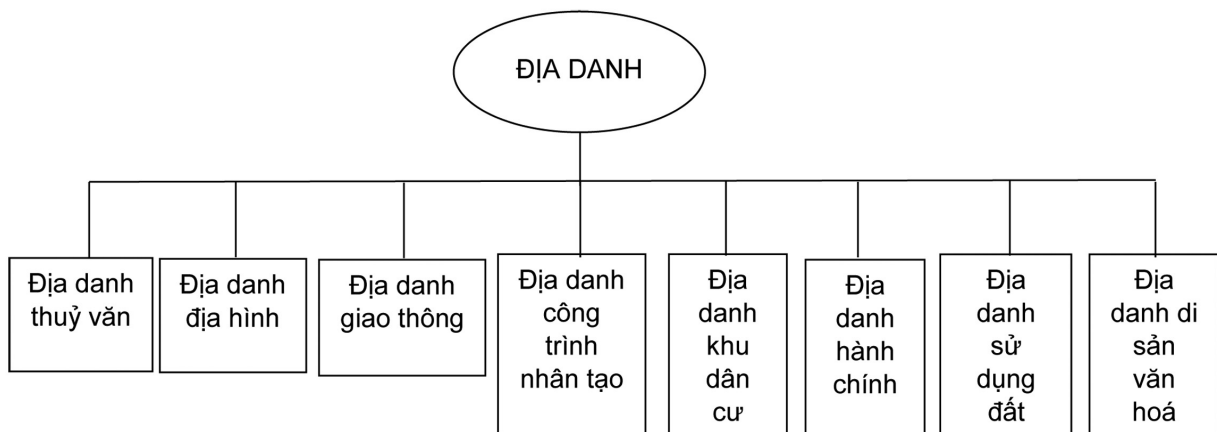
Ta có sơ đồ được trình bày tại Hình dưới đây.

#### c) Xác lập cấu trúc vĩ mô trong Từ điển địa danh Việt Nam

Một cuốn từ điển địa danh tốt phải bao gồm tương đối đầy đủ số lượng địa danh tiêu biểu của mỗi tỉnh, thành hoặc một vùng rộng lớn (như Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ). Thực tế cho thấy rằng mỗi tỉnh, thành ở Việt Nam hiện có từ 2.000 đến 5.000 địa danh. Về lý thuyết, mỗi tỉnh, thành trung bình có độ 3.000 mục từ có thể hiện diện trong từ điển; công trình sẽ có khoảng trên dưới 180.000 mục từ.

#### d) Tuyển chọn địa danh vào mục từ trong cuốn Từ điển địa danh Việt Nam

Các địa danh được lựa chọn để đưa vào Từ điển địa danh Việt Nam phải là những địa danh tiêu biểu, không thể không nhắc đến khi nói về Việt Nam. Đó là những địa danh liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, sự phân chia hành chính lãnh thổ; các địa danh liên quan



Hình vẽ: Sơ đồ phân loại địa danh theo UNGEGN ASE

đến các di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh nổi tiếng; tên của các đối tượng địa lý lớn; tên của các công trình kinh tế điển hình; các địa danh liên quan đến thương hiệu hàng hoá. Nội dung của các mục từ trong Từ điển cần được nghiên cứu để làm sao mỗi mục từ đều được xây dựng theo một mô hình thống nhất và khoa học.

#### *d) Xác lập cấu trúc vi mô trong Từ điển địa danh Việt Nam*

Nhìn chung, về lí thuyết mỗi mục từ thường có hai phần: phần đề (nêu tên mục từ); phần thuyết (định nghĩa hoặc định tính; phần nội dung cơ bản; phần tư liệu bổ sung).

Trong Từ điển địa danh Việt Nam, mỗi mục từ hoàn chỉnh gồm các yếu tố (trình bày theo thứ tự) như sau:

##### ❖ Tiêu đề mục từ:

Là yếu tố đại diện hoặc mang tính khái quát về địa danh được đề cập đến trong mục từ. Đây được xem là “chìa khóa” để tra cứu: chúng là các địa danh.

❖ Danh từ chung của địa danh (sông, rạch, núi, hồ...; ấp, xã, huyện, tỉnh...; vùng, xóm, khu, miền...; cầu, đường, công viên, sân vận động...). Lưu ý: danh từ chung của địa danh này có thể mang tính phương ngữ khác nhau của Việt Nam. Điều này cần được thể hiện trong Từ điển vì nó phản ánh phần nào nét riêng biệt của địa danh ở các vùng miền.

##### ❖ Nội dung mục từ:

Là yếu tố chính cung cấp thông tin về địa danh được đề cập đến trong mục từ. Đây thường được xem là phần “da thịt” tạo nên hình hài sinh động cho từ điển. Nội dung này có thể gồm những thông tin sau:

■ Các dữ liệu địa lí: mô tả vị trí khái quát của đối tượng được gọi tên; tọa độ địa lý của đối tượng; độ cao (núi); chiều dài, chiều rộng (và có thể cả tải trọng, nếu là cầu); lộ giới; độ sâu (sông); diện tích, dân số (đơn vị hành chính); số lượng và tên các đối tượng nhỏ ở trong đối tượng đang nói đến, v.v.

■ Thời điểm ra đời; ý nghĩa của địa danh; quá trình chuyển biến của địa danh.

■ Các thông tin khác về địa danh, trong đó cần chú ý đến các khía cạnh lịch sử, văn hóa...

■ Hình ảnh: các hình ảnh có chức năng minh họa cho phần định nghĩa, khái niệm trong trường hợp lời thuyết minh mô tả không thể diễn tả được đầy đủ và chính xác nội dung phản ánh của thuật ngữ.

■ Phương ngữ: chỉ một số mục từ được lựa chọn để đưa thêm phương ngữ chiếu.

#### **IV. Cách trình bày trong Từ điển địa danh Việt**

#### **Nam**

##### **IV.1. Quy định về bố cục**

■ Từ điển địa danh Việt Nam có thể được biên soạn theo mô hình tổng hợp, thành các khối lớn (ví dụ vùng, tỉnh/thành...), bên trong mỗi khối là các mục từ sắp xếp theo trật tự chữ cái của chữ Quốc ngữ.

Về lý thuyết, việc sắp xếp các mục từ trong Từ điển địa danh Việt Nam có thể được thực hiện theo các phương thức sau:

■ Các mục từ có thể được tập hợp toàn bộ theo thứ tự abc (của chữ cái đầu mục từ);

■ Được sắp xếp theo nhiều tập (hoặc quyển): đơn vị hành chính và vùng lãnh thổ, theo địa phương: vùng, tỉnh/thành, huyện/thị...;

■ Được sắp xếp theo loại: địa hình thiên nhiên, công trình xây dựng (cầu, đường, chợ, chùa, tháp, trường, hồ...);

Trong mỗi khối như vậy, các mục từ lại có thể được sắp xếp theo quy ước chung (theo thứ tự abc) hoặc đặc thù tùy theo tính chất của mỗi loại.

Như đã phân tích ở trên, Từ điển địa danh Việt Nam sẽ có số lượng mục từ khoảng 180.000. Với lượng mục từ lớn như vậy, nếu xuất bản theo hình thức in trên giấy (trung bình mỗi trang từ 10 đến 12 mục từ) thì Từ điển sẽ gồm khoảng 15.000 trang. Do đó trong trường hợp in ra giấy, ta nên lựa chọn phương thức sắp xếp theo đơn vị hành chính hoặc theo loại địa danh. Trong trường hợp xuất bản Từ điển địa danh điện tử thì việc lựa chọn cách bố trí theo thứ tự abc là hợp lý.

■ Các mục từ được sắp xếp theo trật tự abc của chữ cái đầu trong địa danh, cụ thể là:

**a ã â b c d đ e ê (f) i (j) k  
l m n o ô ơ p q r s t u ư v  
(w) x y (z)**

và theo thứ tự các kí hiệu ghi thanh điệu: không dấu huyền, hỏi, ngã, sắc và nặng.

■ Trường hợp địa danh có cùng tên gọi sẽ được sắp xếp theo thứ tự sau:

■ Địa danh hành chính (tên tỉnh, huyện, xã...) sẽ được sắp xếp theo tầm quan trọng, ví dụ thành phố Cao Lãnh xếp trước huyện Cao Lãnh; tỉnh Quảng Ninh xếp trước huyện Quảng Ninh...

■ Địa danh hành chính hoặc dân cư sẽ được xếp sau địa danh các yếu tố tự nhiên, ví dụ huyện Mãng Thít xếp sau sông Mãng Thít; tỉnh Tiền Giang xếp sau sông Tiền Giang...

■ Địa danh thông dụng hơn sẽ xếp trước, ít thông dụng hơn xếp sau.

■ Địa danh chỉ vị trí phía Bắc xếp trước, phía Nam xếp sau.

■ Các địa danh trùng tên sẽ được đánh dấu thứ tự nhỏ bên phải, ví dụ Ba Tơ(1), Ba Tơ.

◆ Trường hợp các địa danh khác nhau cùng chỉ một đối tượng thì địa danh nào thông dụng nhất sẽ được chú giải; các địa danh khác vẫn cấu tạo thành mục từ, nhưng không lặp lại chú giải mà chú dẫn bằng ký hiệu dẫn tới mục từ địa danh thông dụng nhất.

Ví dụ: Trì Bình là tên gọi của huyện Bình Sơn xưa.

Mục từ: Trì Bình: Tên huyện (Bình Sơn), tìm ở mục từ Bình Sơn.

◆ Trường hợp những địa danh không thể tách rời tiền tố vốn là hiệu danh, hoặc tên loại địa danh, thì hiệu danh, tên loại đó được coi như một phần của địa danh.

Ví dụ: Thôn 1, nếu tách từ thôn thì số 1 trở nên vô nghĩa, nên cấu tạo mục từ bắt buộc phải là Thôn 1.

Tương tự là các trường hợp như: Làng Teng, Làng Trui, Gò Vành, Thôn Đam, Thôn Xanh, Xã Trạch, Xã Diệu, Vạn Phước Xã, Trà Bình Trại, Gò Năng, Gò Vành...

◆ Trường hợp các địa danh có gốc chữ Hán đã xác định thì sẽ ghi chú thêm gốc chữ ấy.

◆ Trường hợp địa danh gốc tiếng dân tộc thiểu số mà cách viết khác nhau, thì có ghi chú các cách viết khác nhau; trường hợp địa danh được xác định trên văn bản quá xa âm gốc, thì sẽ chú thêm âm gốc.

Ví dụ: Kon Cua còn viết là Con Cua

Tôn Dung chú thêm âm gốc Kon Dung

◆ Từ điển địa danh Việt Nam được thể hiện theo quy định hiện hành của chính tả tiếng Việt.

◆ Đầu mục từ viết hoa, chữ đậm, riêng một dòng. Văn bài của mục từ được ghi bằng chữ thường. Có thể

viết liền hoặc xuống dòng (tách đoạn) tùy theo logic của thông tin đề cập đến.

Kiểu chữ nghiêng chỉ dùng để ghi danh từ chung (tỉnh, thành phố, vịnh, đèo, quốc lộ...).

◆ Các chữ viết tắt theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chuẩn hóa địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ QCVN 37:2011/BTNMT do Cục Đo đạc và Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ (Bộ TN&MT) trình duyệt, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Thông tư số 23/2011/TT-BTNMT ngày 06/07/2011.

#### ***IV.2. Cách phiên chuyển các từ ngữ gốc dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài trong Từ điển địa danh Việt Nam***

Phiên chuyển các từ ngữ gốc dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài trong Từ điển địa danh Việt Nam phải đảm bảo được các nguyên tắc sau:

◆ Đảm bảo tính dân tộc, tính hệ thống, tính phổ thông, tính kế thừa, tính hội nhập, tuân thủ các nguyên tắc của địa danh học, địa danh bản đồ học và các nguyên tắc có tính định hướng về phiên chuyển địa danh của UNGEGN.

◆ Các từ ngữ gốc dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài được phiên chuyển (phiên âm kết hợp với chuyển tự), theo hướng phiên chuyển tên riêng bằng các âm, vần và chữ Quốc ngữ, căn cứ vào cách ghi cách đọc của nguyên ngữ.

◆ Đối với các trường hợp phiên âm không thể theo cách đọc nguyên ngữ (do kỹ thuật hoặc quy định của chữ Quốc ngữ) thì kèm theo chú thích nguyên dạng gốc đặt giữa hai ngoặc đơn. Đối với các ngôn ngữ không dùng hệ thống chữ cái Latinh (như Hoa, Khơ Me...) hoặc chưa có chữ thì không có chú thích □



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Văn Chư, 2010, Nghiên cứu, biên soạn từ điển địa danh Quảng Ngãi, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi.
- [2] Hà Học Trạc, 2001, Lịch sử - Lí luận và thực tiễn biên soạn Bách khoa thư, NXB Từ điển bách khoa, 2001.
- [3] Hồ Hải Thụy, 2010, Hai cuốn sách mới dạy cách làm từ điển, Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư số 4.
- [4] Hồ Văn Tuyên, 2011, Định danh sự vật liên quan đến sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong phương ngữ Nam Bộ, Luận án TS bảo vệ tại Học viện KHXH.
- [5] Lê Huy Hoà, 2005, Bách khoa tri thức phổ thông, NXB Văn hóa thông tin.
- [6] Lê Trung Hoa, 2006, Địa danh học Việt Nam, NXB KHXH.
- [7] Nguyễn Đình Tư, 2003, Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ, NXB Chính trị quốc gia.
- [8] Nguyễn Dược, Hải Trung, 1998, Sổ tay thuật ngữ địa lí, NXB Giáo dục.
- [9] Nguyễn Huy Côn, 2006, Từ điển Tài nguyên và môi trường, NXB Từ điển Bách khoa.
- [10] Nguyễn Như Ý, 2009, Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam, NXB Giáo dục.
- [11] Nguyễn Văn Âu, 2000, Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam, NXB Đại học quốc gia.
- [12] Nguyễn Văn Tân, 2006, Từ điển địa danh lịch sử - văn hóa - du lịch Việt Nam, NXB ĐHQG Hà Nội.
- [13] Nguyễn Vi Dân, Nguyễn Cao Huân, Trương Quang Hải, 2005, Cơ sở địa lí tự nhiên, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [14] Nhữ Thị Xuân, 2006, Bản đồ địa hình, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [15] Tạ Văn Thông, 2010, Từ điển bách khoa trong các loại từ điển và các công trình bách khoa thư, Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư, số 5, 2010.
- [16] Trần Nghi, 2005, Địa chất biển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [17] Viện Nghiên cứu địa chính, 2004, Thuật ngữ chuyên ngành trắc địa - bản đồ Anh - Việt. Đề tài NCKH.
- [18] Vũ Tự Lập, 2006, Địa lí tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.
- [19] Vương Toàn, 2005, Chuẩn hoá cách viết địa danh tiếng Việt: vấn đề không thể cứ để ngỏ!, Tạp chí Địa chính, số 6, 2005.

## PRINCIPLES AND RULES OF THE MODEL OF VIETNAM GEOGRAPHICAL NAME DICTIONARY

PGS. TS. TA VAN THONG<sup>1</sup>, ThS TRINH ANH CO<sup>2</sup>, ThS ĐO THI THU THUY<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Vietnam Academy of Social Sciences

<sup>2</sup>Vietnam Association of Geodesy, Cartography and Remote Sensing

<sup>3</sup>Vietnam Agency of Survey, Mapping and Geoinformation

### Abstract:

Geographical name is an issue associated with the daily life of people. Moreover, the geographical name is also a factor related to history, culture, customs and practices of each locality and each ethnicity. At national level, in many cases, the geographical name also has political significance, especially at the areas where there are sovereignty disputes.

The authors of this article would like to introduce the task of building a geographical name dictionary for Vietnam. This is a heavy and important task, because of complexity of the geographical names and also associated with deep scientific researches concerning the geographical, social and human aspects.

The authors present three point-views including:

- (1) ensuring the suitability topolitical directions of the Communist Party and the State;
  - (2) ensuring the consistency with the principles of encyclopedias;
  - (3) approaches based on dialectical and historical thought.
- Next, the authors propose a five-point rule: (1) general requirements in formulation of entries in the dictionary; (2) classification of the dictionary entries in accordance with the international standards; (3) ensuring the macro structure based on balance between localities; (4) selection of typical geographical names to be located in dictionary entries; (5) ensuring the micro structure to provide sufficient information about each geographical name □